

<b>TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH BẮC GIANG</b>	<b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b>
Bản án số: 94/2017/HNGĐ-ST Ngày 26-9-2017	
V/v: <i>Ly hôn giữa anh C và chị D</i>	

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Tạ Thị Thu Thủy

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST- HNGĐ ngày 20/7/2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Thành C, sinh năm 1987 “có mặt”

Địa chỉ: Khu 16 Bến S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Chị Lê Thị D, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn S Đình 2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Thành C trình bày:* Anh và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn ngày 20/12/2010 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh ra Hà Nội làm ăn sinh

sống. Quá trình Csống có nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 9/ 2014 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S Đình 2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh xin ly hôn chị D.

*Về con C, tài sản Cvà công nợ C: Vợ chồng anh không có.*

Chị Lê Thị D là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn S Đình 2, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Toà án giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị D không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Cđược ly hôn chị D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành Cvà chị Lê Thị D đăng ký kết hôn ngày 20/12/2010 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh Cvà chị D là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang ở từ năm 2014 đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế nên anh C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Cvà chị D đã trầm trọng, cuộc sống Ckhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Cđược ly hôn chị D.

[3] Về con C, tài sản và công nợ C: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

*Về án phí:* Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Phạm Thành C và chị Lê Thị D.

**2. Về án phí:** Anh Phạm Thành C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh C đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002598 ngày 20/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

<p><b>Nơi nhận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- TAND tỉnh Bắc Giang;</li><li>- VKSND huyện N;</li><li>- Chi cục THADS huyện N;</li><li>- UBND xã L, N;</li><li>- UBND thị trấn L, tỉnh Phú Thọ;</li><li>- Các đương sự;</li><li>- Lưu HS, VP.</li></ul>	<p><b>TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b></p>  <p><b>Tạ Thị Thu Thủy</b></p>
---	--





